

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69/2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**Về việc ban hành Quy chế xử lý nợ bị rủi ro**  
**của Ngân hàng Chính sách xã hội**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội”.

**Điều 2.** Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Bãi bỏ các quy định về xử lý rủi ro cho các đối tượng chính sách vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội gồm:

1. Thông tư Liên tịch số 08/1999/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 15 tháng 3 năm 1999 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn giải quyết các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm (Quỹ quốc gia giải quyết việc làm) bị rủi ro.

2. Thông tư Liên tịch số 16/2000/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Thông tư số 08/1999/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 15 tháng 3 năm 1999 về hướng dẫn giải quyết các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm (Quỹ quốc gia giải quyết việc làm) bị rủi ro.

3. Thông tư số 97/1998/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ tín dụng đào tạo.

4. Các quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Đối với các khoản nợ của người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đang được khoan nợ theo các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời gian khoan nợ theo các quyết định đó.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi

hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**Phan Văn Khải**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

## XỬ LÝ NỢ BỊ RỦI RO CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(ban hành kèm theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg  
ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ).

## Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Khách hàng được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, bao gồm:

- a) Hộ nghèo;
- b) Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề;
- c) Các đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm theo Nghị quyết số 120/HĐBT ngày 11 tháng 4 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay được thay thế bằng Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi

hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm);

d) Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

đ) Các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc hải đảo; thuộc khu vực II, III miền núi và thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (nếu có);

e) Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2.** Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro

1. Quy chế này quy định việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Các khoản nợ bị rủi ro trong cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của Ngân hàng Chính sách xã hội do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng

quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định mức bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

3. Các khoản cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư theo từng Hiệp định hoặc Hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khác mà được trích dự phòng rủi ro thì việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo Hiệp định hoặc Hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân ủy thác.

### **Điều 3.** Biện pháp xử lý nợ bị rủi ro

1. Miễn, giảm lãi tiền vay.
2. Xóa nợ.

### **Điều 4.** Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro

1. Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Khách hàng là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ đã sử dụng vốn vay đúng mục đích;

b) Khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản;

c) Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả được

nợ hoặc không trả được nợ cho Ngân hàng.

2. Việc xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự, khách quan và công bằng giữa các đối tượng vay vốn.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc thực hiện xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

**Điều 5.** Thời điểm xem xét xử lý nợ bị rủi ro

Việc xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện tại thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo từng đợt trên cơ sở đề nghị của khách hàng, của Ngân hàng Chính sách xã hội và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

## *Chương II*

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 6.** Các nguyên nhân sau đây được coi là nguyên nhân khách quan

1. Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch

bệnh xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của khách hàng hoặc của dự án.

2. Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng như: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm.

3. Khách hàng là cá nhân vay vốn bị mất năng lực hành vi dân sự, người vay vốn ốm đau thường xuyên, mắc bệnh tâm thần, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không nơi nương tựa, chết, mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích không còn tài sản để trả nợ hoặc không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng.

4. Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn pháp nhân, không còn vốn, tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

**Điều 7. Các biện pháp xử lý nợ bị rủi ro**

1. Miễn, giảm lãi tiền vay là việc Ngân hàng Chính sách xã hội miễn không thu lãi hoặc giảm một phần lãi tiền vay cho khách hàng theo các điều kiện và thời gian quy định.

a) Điều kiện miễn lãi tiền vay:

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Chương II Quy chế này.

- Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa trả được nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn còn khả năng trả nợ.

- Mức độ rủi ro thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng do các nguyên nhân nêu trên từ 80% đến 100% so với tổng số vốn thực hiện của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng.

Số tiền miễn lãi của Ngân hàng Chính sách xã hội cho mỗi khách hàng không vượt quá số lãi tiền vay tính trên thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ).

b) Điều kiện giảm lãi tiền vay:

- Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Chương II Quy chế này.

- Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa trả được nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn còn khả năng trả nợ.

- Mức độ rủi ro thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng do các nguyên nhân nêu trên từ 40% đến dưới 80% so với tổng số vốn thực hiện của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng.

Số tiền giảm lãi của Ngân hàng Chính sách xã hội cho mỗi khách hàng không vượt quá 50% số lãi tiền vay tính trên thời gian cho vay trong hạn (không kể thời gian gia hạn nợ).

## 2. Xóa nợ (gốc, lãi).

a) Xóa nợ gốc, lãi là việc Ngân hàng Chính sách xã hội không thu một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi (nếu có) của khách hàng đang còn dư nợ tại Ngân hàng gặp rủi ro sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán;

b) Điều kiện xóa nợ: khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Chương II Quy chế này;

c) Số tiền xóa nợ (gốc, lãi) cho khách hàng bằng số tiền khách hàng còn phải trả cho Ngân hàng, sau khi Ngân hàng đã áp dụng các biện pháp tận thu.

**Điều 8.** Hồ sơ pháp lý để xử lý rủi ro

### 1. Đối với miễn, giảm lãi tiền vay

a) Đơn xin miễn, giảm lãi tiền vay của khách hàng. Trong đơn khách hàng nêu rõ nguyên nhân gây thiệt hại; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền lãi còn phải trả Ngân hàng; số tiền lãi xin miễn, giảm lãi;

b) Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng lập có xác nhận của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền;

c) Bản sao hợp đồng tín dụng, kế ước vay vốn hoặc sổ tiết kiệm vay vốn (Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay ký sao y);

d) Trường hợp khách hàng là tổ chức kinh tế thì ngoài các văn bản nêu trên, cần có các giấy tờ sau:

- Biên bản xác định mức độ tổn thất, thiệt hại về vốn và tài sản theo quy định của pháp luật kèm báo cáo tài chính 2 năm gần nhất của tổ chức kinh tế;

- Phương án khôi phục sản xuất - kinh doanh của tổ chức kinh tế.

### 2. Đối với xóa nợ

a) Hồ sơ xóa nợ cho khách hàng phải phản ánh rõ nguyên nhân dẫn đến rủi ro không trả được nợ; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền gốc và lãi đang còn nợ Ngân hàng; số tiền gốc và lãi xin xóa nợ;

b) Trường hợp khách hàng là cá nhân vay vốn bị mất năng lực hành vi dân sự, chết, bị mất tích hoặc bị coi là chết, mất tích phải có giấy chứng tử hoặc giấy xác nhận mất tích của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác;

c) Trường hợp khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã phá sản, giải thể phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tuyên bố của Tòa án và các văn bản liên quan đến việc thanh lý tài sản;

d) Bản sao hợp đồng tín dụng, kế ước vay vốn hoặc sổ tiết kiệm và vay vốn (Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay ký sao y);

đ) Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

**Điều 9.** Thẩm quyền và trách nhiệm xử lý nợ bị rủi ro

### 1. Thủ tướng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc miễn, giảm lãi, xóa nợ cho khách hàng vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng và trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thẩm định của liên Bộ.

### 2. Bộ Tài chính chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Phúc tra hồ sơ đề nghị miễn, giảm lãi, xóa nợ cho khách hàng vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Kiểm tra việc thực hiện xử lý nợ cho khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan theo quy định tại Quy chế này.

### 3. Ngân hàng Chính sách xã hội

- Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định việc xử lý nợ cho khách hàng vay vốn tại Ngân

hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với các trường hợp còn lại thuộc diện đơn lẻ, cục bộ; xem xét, quyết định việc gia hạn nợ cho khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng.

- Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quy chế này.

- Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm kiểm tra xác nhận mức độ rủi ro của khách hàng; xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị xử lý nợ của khách hàng để quyết định xử lý nợ theo thẩm quyền hoặc báo cáo liên Bộ phúc tra hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**Điều 10.** Trình tự thực hiện xử lý nợ bị rủi ro

1. Khách hàng gặp rủi ro có các khoản nợ đề nghị xử lý phải lập hồ sơ theo quy định và gửi đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi vay vốn để Ngân hàng kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ và tổng hợp trình cấp có thẩm quyền và gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách

xã hội cấp tỉnh kiểm tra xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị xử lý nợ của khách hàng, tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản về đề nghị xử lý rủi ro của khách hàng vay vốn trình cấp có thẩm quyền và gửi về Ngân hàng Chính sách xã hội kèm bộ hồ sơ xử lý nợ của khách hàng.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp các đề nghị của khách hàng và chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với trường hợp rủi ro xảy ra trên diện đơn lẻ, cục bộ hoặc báo cáo liên Bộ xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với trường hợp rủi ro xảy ra trên diện rộng.

4. Căn cứ quyết định xử lý nợ bị rủi ro của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo quy định.

**Điều 11.** Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

1. Nguồn vốn để xử lý nợ cho khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Nguồn vốn để xử lý nợ cho khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách

quan thuộc diện đơn lẻ, cục bộ được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội. (Việc trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro của Ngân hàng chính sách xã hội được quy định tại văn bản riêng).

### Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 12.** Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan Trung ương các tổ chức đoàn thể tham gia hoạt động tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**Phan Văn Khải**

013388219  
 www.ThuPhapLuat.com  
 Tel: +84-8-3856644